

Đà Lạt, ngày 17 tháng 02 năm 2021

Số: **65/2021/QĐST-HNGĐ**

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 823/2020/TLST/HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 giữa: bà Da Cát G, sinh năm: 1981, địa chỉ: Tổ 16, thôn 01, xã Tà N, thành phố Đ, tỉnh L và ông Lê Thanh T, sinh năm: 1979, địa chỉ: Tổ 16, thôn 01, xã Tà N, thành phố Đ, tỉnh L.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành **ngày 02 tháng 02 năm 2021**.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 **tháng 02 năm 2021** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Da Cát Gg và ông Lê Thanh T đều thỏa thuận thuận tình ly hôn.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Da Cát L, sinh 30/3/1999, hiện nay đã trưởng thành. Cháu Lê Da cát Ngọc C, sinh ngày 25/8/2012 và cháu Lê Thị Diễm K, sinh ngày 09/5/2004. Hiện nay đang ở với mẹ. Ly hôn theo nguyện vọng của hai cháu C và K muốn được ở với mẹ nên hai bên thỏa thuận giao hai con

chung C và K cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên bà G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung

Quyền thăm nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về án phí: Bà Da Cát G chịu 150.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và (được trừ vào số tiền 300.000đ bà G đã tạm nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003466 ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Đ). Hoàn trả cho bà G 150.000đồng tiền tạm ứng án phí còn thừa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh L.
- Viện kiểm sát ND, tp Đ.
- UBND xã Quảng S, huyện Ninh S, tỉnh Ninh T.
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Văn Điền